



Review Article

Green Startup Policy in Vietnam: Current Status and Challenges for Sustainable Development

Phung Danh Thang*

VNU International Francophone Institute, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

Received 29 November 2024

Revised 03 December 2024; Accepted 25 December 2024

Abstract: In the context of globalization and increasing awareness of climate change, green and sustainable economic development has become an inevitable trend for nations worldwide. With a strong commitment to reducing greenhouse gas emissions and achieving the Sustainable Development Goals (SDGs), Vietnam is striving to promote green startup initiatives to maximize economic potential while protecting the environment and natural resources. Policies supporting green startups play a crucial role in creating a favorable environment, fostering creativity and innovation, and enhancing the competitiveness of domestic green enterprises. However, the implementation of these policies in Vietnam still faces many challenges, including an inconsistent legal framework, fragmented support resources, and barriers in accessing capital and markets. This article aims to analyze the current state of green startup support policies in Vietnam and highlight key issues to consider during the policy formulation and implementation process.

Keywords: policy, green startups, green economy, sustainable development.

* Corresponding author.

E-mail address: danhthang.phung@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4539>

Chính sách hỗ trợ khởi nghiệp xanh tại Việt Nam: Hiện trạng và một số vấn đề đặt ra trong bối cảnh phát triển kinh tế xanh và bền vững

Phùng Danh Thăng*

Khoa Quốc tế Pháp ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 29 tháng 11 năm 2024

Chỉnh sửa ngày 03 tháng 12 năm 2024; Chấp nhận đăng ngày 25 tháng 12 năm 2024

Tóm tắt: Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự gia tăng nhận thức về biến đổi khí hậu, phát triển kinh tế xanh và bền vững đã trở thành xu hướng tất yếu của các quốc gia trên thế giới. Với cam kết mạnh mẽ trong việc giảm phát thải khí nhà kính và thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs), Việt Nam đang nỗ lực thúc đẩy các sáng kiến khởi nghiệp xanh nhằm phát huy tối đa tiềm năng kinh tế, đồng thời bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên. Chính sách hỗ trợ khởi nghiệp xanh đóng vai trò quan trọng trong việc tạo môi trường thuận lợi, khuyến khích sự sáng tạo và đổi mới, cũng như nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp xanh trong nước. Tuy nhiên, thực tiễn triển khai tại Việt Nam vẫn tồn tại nhiều hạn chế, từ khung pháp lý chưa đồng bộ, nguồn lực hỗ trợ còn phân tán, đến các rào cản trong việc tiếp cận vốn và thị trường. Bài viết này nhằm phân tích hiện trạng các chính sách hỗ trợ khởi nghiệp xanh tại Việt Nam, đồng thời đưa ra những vấn đề cần quan tâm trong quá trình xây dựng và thực hiện chính sách.

Từ khóa: Chính sách, khởi nghiệp xanh, kinh tế xanh, phát triển bền vững.

1. Mở đầu

Doanh nghiệp khởi nghiệp xanh đang trở thành một trong những chủ đề được nhắc đến nhiều nhất hiện nay, từ các cơ quan truyền thông cho đến các nhà hoạch định chính sách. Những doanh nghiệp này không chỉ đối mặt với sức ép cạnh tranh khốc liệt từ các doanh nghiệp truyền thống mà còn phải nỗ lực vượt qua các đối thủ tiềm năng trong cùng lĩnh vực. Đặc biệt, trong bối cảnh Việt Nam hội nhập mạnh mẽ vào nền kinh tế toàn cầu, khởi nghiệp xanh được kỳ vọng không chỉ tạo động lực tăng trưởng kinh tế mà còn đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng nhu cầu đa dạng của xã hội, và tạo ra nhiều việc làm bền vững.

Từ năm 2016, Chính phủ Việt Nam đã chính thức khởi động phong trào quốc gia khởi nghiệp, với nhiều chính sách hỗ trợ thúc đẩy sự ra đời và phát triển của các công ty khởi nghiệp. Giai đoạn 2017 - 2020 chứng kiến sự bùng nổ của làn sóng khởi nghiệp, tuy nhiên đại dịch Covid-19 đã đặt ra thách thức chưa từng có đối với nền kinh tế và các doanh nghiệp khởi nghiệp vốn dĩ đã rất mong manh. Trong bối cảnh đó, khởi nghiệp xanh - một hành trình khởi nghiệp đòi hỏi sự sáng tạo và đầu tư dài hạn - lại càng trở nên khó khăn hơn.

Tuy vậy, khởi nghiệp xanh vẫn giữ vai trò cốt lõi trong xu hướng phát triển kinh tế tuần hoàn, xanh và bền vững. Những hoạt động nền tảng của khởi nghiệp xanh không chỉ hướng tới mục tiêu bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả tài

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: danhthang.phung@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4539>

nguyên mà còn mang lại giá trị lâu dài cho cộng đồng và nền kinh tế. Khởi nghiệp xanh không chỉ là xu hướng mà còn là yêu cầu cấp thiết trong bối cảnh thế giới đang phải đối mặt với các vấn đề môi trường và biến đổi khí hậu ngày càng nghiêm trọng. Theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới (World Bank), ô nhiễm môi trường gây thiệt hại tương đương 5-7% GDP hàng năm tại các quốc gia đang phát triển, trong đó có Việt Nam [1]. Cùng với đó, nhu cầu sử dụng tài nguyên thiên nhiên tại Việt Nam đã vượt ngưỡng bền vững, với khoảng 67% tài nguyên nước đang bị khai thác cạn kiệt. Điều này đòi hỏi một mô hình phát triển mới dựa trên nguyên tắc bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên và giảm thiểu phát thải.

Việt Nam hiện là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề nhất từ biến đổi khí hậu. Báo cáo năm 2023 của Global Climate Risk Index cho thấy Việt Nam nằm trong top 10 quốc gia chịu rủi ro cao nhất về thiên tai và các hiện tượng thời tiết cực đoan [2]. Trong khi đó, theo Ủy ban Liên chính phủ về biến đổi khí hậu (IPCC), lĩnh vực kinh doanh và sản xuất chiếm hơn 70% lượng phát thải khí nhà kính toàn cầu, đòi hỏi sự tham gia mạnh mẽ của các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp khởi nghiệp, trong việc đưa ra các giải pháp xanh [3].

Khởi nghiệp xanh không chỉ góp phần giải quyết những thách thức về môi trường mà còn mở ra cơ hội tăng trưởng kinh tế bền vững. Theo nghiên cứu của McKinsey & Company (2022), nền kinh tế tuần hoàn - trong đó khởi nghiệp xanh là thành phần quan trọng - có thể mang lại lợi ích kinh tế toàn cầu trị giá 4,5 nghìn tỷ USD vào năm 2030 [4]. Riêng tại Việt Nam, ước tính việc chuyển đổi sang nền kinh tế xanh có thể tạo ra khoảng 1 triệu việc làm mới vào năm 2030, chủ yếu trong các lĩnh vực năng lượng tái tạo, nông nghiệp hữu cơ, và quản lý chất thải [5].

Hơn nữa, sự phát triển của các doanh nghiệp khởi nghiệp xanh tại Việt Nam còn là cách để thúc đẩy quá trình hội nhập quốc tế và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, hiện Việt Nam có hơn 3.000 startup, trong đó chỉ khoảng 10% hoạt động trong lĩnh vực xanh [6]. Tuy nhiên, số lượng này đang tăng

lên nhờ sự hỗ trợ của các chính sách khuyến khích đổi mới sáng tạo, cùng các chương trình tài trợ quốc tế như Dự án Đối tác Đổi mới sáng tạo Việt Nam - Phần Lan (IPP) hay Quỹ Khí hậu Xanh (GCF).

Từ những con số và thực tế trên, có thể thấy khởi nghiệp xanh không chỉ là một lựa chọn, mà còn là con đường tất yếu để Việt Nam hướng tới một nền kinh tế tuần hoàn, xanh và bền vững.

2. Chính sách hỗ trợ khởi nghiệp xanh tại Việt Nam hiện nay

Việt Nam đã xác định tăng trưởng xanh là chiến lược trọng tâm trong phát triển kinh tế - xã hội. Chính phủ đã ban hành Chiến lược Tăng trưởng Xanh và Kế hoạch hành động quốc gia theo Quyết định số 403/QĐ-TTg, đặt mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính, tăng cường năng lượng tái tạo và thúc đẩy tiêu dùng bền vững. Đây là cơ sở vững chắc để hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh xanh.

2.1. Chính sách tài chính và tín dụng xanh

Chính sách tài chính và tín dụng xanh đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy các doanh nghiệp khởi nghiệp xanh tại Việt Nam. Các chương trình hỗ trợ tài chính không chỉ giúp doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn mà còn khuyến khích việc áp dụng công nghệ sạch, sử dụng năng lượng tái tạo và phát triển bền vững. Một trong những chính sách nổi bật là chương trình cho vay hỗ trợ lãi suất. Theo đó, các dự án thuộc lĩnh vực công nghệ sạch, năng lượng tái tạo và tiết kiệm năng lượng được hưởng mức lãi suất ưu đãi từ các ngân hàng thương mại có tham gia chương trình tín dụng xanh của Ngân hàng Nhà nước. Chính sách này nhằm khuyến khích doanh nghiệp đổi mới sáng tạo và áp dụng các giải pháp kỹ thuật hiện đại để giảm thiểu phát thải. Theo Báo cáo của Ngân hàng Nhà nước (2023), tính đến cuối năm 2022, dư nợ tín dụng xanh tại Việt Nam đạt gần 500.000 tỷ đồng, chiếm khoảng 4,3% tổng dư nợ toàn hệ thống ngân hàng, trong đó, 47% được phân bổ cho các dự án năng lượng tái tạo và năng lượng sạch [7].

Bên cạnh đó, Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam (VEPF) cũng là một nguồn hỗ trợ tài chính quan trọng cho các doanh nghiệp khởi nghiệp xanh. Quỹ này cung cấp vốn vay ưu đãi với lãi suất thấp, từ 2,6% đến 3,6%/năm, dành cho các dự án giảm thiểu tác động môi trường như xử lý nước thải, quản lý chất thải rắn và phát triển nông nghiệp hữu cơ. Tính đến năm 2023, Quỹ đã hỗ trợ hơn 3.000 tỷ đồng cho gần 300 dự án, trong đó nhiều dự án thuộc nhóm khởi nghiệp xanh đạt được thành công đáng kể [8].

Ngoài ra, một số tổ chức quốc tế cũng hỗ trợ Việt Nam trong việc phát triển tài chính xanh. Chương trình Hỗ trợ Phát triển Năng lượng Tái tạo (REDP) của Ngân hàng Thế giới đã cung cấp hơn 200 triệu USD để tài trợ cho các dự án năng lượng sạch. Trong khuôn khổ chương trình, nhiều doanh nghiệp khởi nghiệp trong lĩnh vực năng lượng tái tạo tại Việt Nam đã tiếp cận được nguồn vốn với lãi suất ưu đãi và các chương trình đào tạo kỹ thuật [9]. Những chính sách tài chính và tín dụng xanh không chỉ giúp doanh nghiệp khởi nghiệp xanh vượt qua rào cản tài chính mà còn thúc đẩy quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế bền vững, đáp ứng các cam kết quốc tế về giảm phát thải khí nhà kính và bảo vệ môi trường.

2.2. Chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ xanh

Trong xu hướng phát triển bền vững, đổi mới công nghệ xanh là một trong những yếu tố cốt lõi giúp các doanh nghiệp giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và nâng cao hiệu quả kinh doanh. Nhằm khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng công nghệ xanh, Chính phủ Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách ưu đãi về thuế và hỗ trợ kỹ thuật. Một trong những chính sách đáng chú ý là ưu đãi thuế dành cho doanh nghiệp đầu tư vào công nghệ xanh. Theo quy định tại Nghị định số 218/2013/NĐ-CP và các văn bản liên quan, các doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư vào công nghệ sạch, năng lượng tái tạo, và các giải pháp giảm phát thải được hưởng mức ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp từ 10% trong thời hạn 15 năm hoặc miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp trong tối đa 9 năm đầu [10]. Ngoài ra, các thiết bị, máy móc phục vụ dự án công nghệ xanh được miễn thuế nhập khẩu theo quy

định tại Luật Thuế xuất khẩu, nhập khẩu 2016 [11]. Báo cáo của Tổng cục Thuế (2023) cho biết, tính đến năm 2022, hơn 1.200 doanh nghiệp đã được hưởng ưu đãi thuế nhờ đầu tư vào các công nghệ thân thiện với môi trường [12].

Bên cạnh ưu đãi thuế, hỗ trợ kỹ thuật cũng là một chính sách quan trọng nhằm nâng cao năng lực đổi mới công nghệ cho doanh nghiệp. Thông qua Chương trình quốc gia về Sản xuất và Tiêu dùng bền vững (2021-2030), Chính phủ hỗ trợ tư vấn, đào tạo và chuyển giao công nghệ để giúp doanh nghiệp tiếp cận các giải pháp sản xuất sạch hơn. Theo báo cáo của Bộ Công Thương (2023), chương trình này đã hỗ trợ hơn 200 doanh nghiệp thực hiện đổi mới công nghệ xanh, tập trung vào các ngành công nghiệp nặng như dệt may, chế biến thực phẩm, và sản xuất vật liệu xây dựng [13]. Ngoài ra, các tổ chức quốc tế cũng tham gia hỗ trợ kỹ thuật cho doanh nghiệp tại Việt Nam. Ví dụ, trong khuôn khổ Dự án EECB (Energy Efficiency in Commercial Buildings) do Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) triển khai, hơn 100 doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng đã được tư vấn kỹ thuật để áp dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng, từ đó giảm 20-25% mức tiêu thụ điện năng [14].

2.3. Chính sách khuyến khích khởi nghiệp nông nghiệp xanh

Nông nghiệp xanh là một trong những trọng tâm phát triển của Việt Nam trong chiến lược xây dựng nền kinh tế tuần hoàn và bền vững. Để thúc đẩy khởi nghiệp trong lĩnh vực này, Chính phủ Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ tài chính, đất đai, và đào tạo nhằm khuyến khích các doanh nghiệp đổi mới và phát triển bền vững trong nông nghiệp. Một trong những chính sách quan trọng là hỗ trợ tài chính và ưu đãi tín dụng. Theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP (sửa đổi bởi Nghị định số 116/2018/NĐ-CP), các cá nhân và tổ chức khởi nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp, đặc biệt là các dự án ứng dụng công nghệ cao và sản xuất sạch, được vay vốn với lãi suất ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách Xã hội hoặc các ngân hàng thương mại tham gia chương trình tín dụng xanh [15]. Tính đến năm 2022, tổng số vốn tín dụng ưu đãi cho lĩnh vực nông nghiệp xanh đạt

hơn 78.000 tỷ đồng, với hơn 65% được phân bổ cho các dự án khởi nghiệp nông nghiệp xanh tại các vùng nông thôn và vùng khó khăn [16]. Ngoài hỗ trợ tài chính, chính sách đất đai cũng đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy khởi nghiệp nông nghiệp xanh. Theo Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn, các doanh nghiệp khởi nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp xanh được ưu tiên tiếp cận đất đai với chi phí thấp, đặc biệt là tại các khu vực thuộc chương trình xây dựng nông thôn mới. Báo cáo của Bộ Tài nguyên và Môi trường (2023) cho thấy, hơn 50.000 ha đất đã được quy hoạch và giao cho các dự án khởi nghiệp nông nghiệp xanh, giúp giảm đáng kể chi phí khởi đầu cho các doanh nghiệp trẻ [17]. Chính phủ cũng chú trọng đến đào tạo và nâng cao năng lực cho doanh nghiệp khởi nghiệp nông nghiệp xanh. Chương trình quốc gia "Mỗi xã một sản phẩm" (OCOP) đã hỗ trợ hàng trăm doanh nghiệp và hợp tác xã nông nghiệp trong việc phát triển sản phẩm xanh, thân thiện với môi trường. Chương trình này đã giúp hơn 500 doanh nghiệp khởi nghiệp tiếp cận các khóa đào tạo kỹ năng kinh doanh, công nghệ sản xuất sạch và các chiến lược xây dựng thương hiệu sản phẩm bền vững [18].

Ngoài các chính sách trong nước, sự hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế như FAO (Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc) và IFAD (Quỹ Phát triển Nông nghiệp Quốc tế) cũng đóng góp đáng kể vào việc thúc đẩy khởi nghiệp nông nghiệp xanh tại Việt Nam. Ví dụ, chương trình "Pro-Poor Partnerships for Agroecological Intensification" của IFAD đã cung cấp hơn 30 triệu USD hỗ trợ tài chính và kỹ thuật cho các dự án khởi nghiệp nông nghiệp xanh tại các vùng khó khăn, tập trung vào sản xuất hữu cơ và sử dụng năng lượng tái tạo [19].

2.4. Chính sách về hợp tác quốc tế và hỗ trợ từ các tổ chức phi chính phủ

Thông qua các chương trình tài trợ, chuyên gia công nghệ và tư vấn chính sách, các tổ chức quốc tế đã góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp khởi nghiệp xanh phát triển. Việt Nam đã hợp tác với các tổ chức quốc tế như Quỹ Carbon và Chương trình Đổi mới Sáng tạo

Xanh, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn và công nghệ tiên tiến. Một trong những chính sách nổi bật của Việt Nam là khuyến khích hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khởi nghiệp xanh. Theo Quyết định số 1658/QĐ-TTg (2021) về Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh, Chính phủ xác định ưu tiên thu hút vốn đầu tư, công nghệ và tri thức từ các tổ chức quốc tế. Trong khuôn khổ này, Việt Nam đã ký kết nhiều thỏa thuận hợp tác với các đối tác lớn như Liên minh châu Âu (EU), Ngân hàng Thế giới (WB), và Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB). Theo báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2023), tổng vốn tài trợ quốc tế dành cho các dự án khởi nghiệp xanh tại Việt Nam giai đoạn 2021-2023 đạt hơn 1,5 tỷ USD, chủ yếu tập trung vào năng lượng tái tạo, nông nghiệp hữu cơ và xử lý chất thải [20].

Bên cạnh đó, những hỗ trợ từ các tổ chức phi chính phủ cũng đóng vai trò không nhỏ trong việc thúc đẩy khởi nghiệp xanh tại Việt Nam. Các tổ chức như WWF (Quỹ Quốc tế Bảo vệ Thiên nhiên), UNDP (Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc), và SNV (Tổ chức Phát triển Hà Lan) đã triển khai nhiều dự án hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững. Ví dụ, chương trình "Green Startup Initiative" của WWF đã cung cấp hỗ trợ tài chính và kỹ thuật cho hơn 50 doanh nghiệp khởi nghiệp xanh trong lĩnh vực bảo tồn tài nguyên và năng lượng tái tạo tại các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên [21]. Hay như Chương trình "Accelerating Green Growth" của UNDP, phối hợp cùng Chính phủ Việt Nam, đã tổ chức các khóa đào tạo, hội thảo và tư vấn chiến lược cho hàng trăm doanh nghiệp khởi nghiệp xanh, giúp họ nâng cao năng lực quản lý, tiếp cận thị trường quốc tế và áp dụng công nghệ tiên tiến. Báo cáo của UNDP (2022) cho biết, chương trình đã hỗ trợ giảm phát thải hơn 30.000 tấn CO₂ thông qua việc thúc đẩy các mô hình kinh doanh bền vững [22].

Ngoài ra, các tổ chức phi chính phủ như SNV và GIZ (Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức) đã tích cực hỗ trợ các dự án khởi nghiệp trong nông nghiệp xanh và năng lượng sạch. Chẳng hạn, dự án "Biogas for Sustainable Development" của SNV đã hỗ trợ xây dựng hơn 10.000 mô hình

hầm biogas tại Việt Nam, giúp các hộ kinh doanh nhỏ và doanh nghiệp khởi nghiệp tận dụng phế thải nông nghiệp để sản xuất năng lượng [23, 24].

Tổng hợp lại, có thể thấy, các chính sách hỗ trợ khởi nghiệp xanh tại Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả tích cực, tạo nền tảng quan trọng để thúc đẩy phát triển bền vững. Trước hết, các chính sách tài chính như hỗ trợ lãi suất và tín dụng xanh đã giúp giảm gánh nặng tài chính cho các doanh nghiệp khởi nghiệp, đặc biệt là trong các lĩnh vực yêu cầu đầu tư lớn như năng lượng tái tạo, công nghệ sạch và nông nghiệp hữu cơ. Điều này không chỉ khuyến khích doanh nghiệp tham gia vào các mô hình kinh doanh xanh mà còn góp phần tạo ra giá trị kinh tế và bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, các chính sách đổi mới công nghệ đã thúc đẩy quá trình chuyển đổi công nghệ trong doanh nghiệp, nâng cao hiệu suất sản xuất và giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường. Nhiều doanh nghiệp đã áp dụng thành công công nghệ hiện đại vào các hoạt động sản xuất sạch hơn, qua đó tăng tính cạnh tranh và định vị thương hiệu trên thị trường. Hơn nữa, các sáng kiến khởi nghiệp trong nông nghiệp xanh đã thu hút sự quan tâm đáng kể, giúp thay đổi tư duy sản xuất từ truyền thống sang mô hình bền vững, vừa nâng cao giá trị nông sản vừa giảm phát thải khí nhà kính. Việc mở rộng hợp tác quốc tế và nhận được hỗ trợ từ các tổ chức phi chính phủ cũng giúp các doanh nghiệp khởi nghiệp tiếp cận với tri thức, công nghệ tiên tiến và cơ hội thị trường quốc tế, nâng cao năng lực cạnh tranh trong bối cảnh toàn cầu hóa.

3. Một số vấn đề về chính sách hỗ trợ khởi nghiệp xanh của Việt Nam trong bối cảnh hiện nay

Qua phần phân tích trên có thể thấy, các chính sách hỗ trợ khởi nghiệp xanh tại Việt Nam đã tạo ra những chuyển biến tích cực, định hình hệ sinh thái khởi nghiệp xanh, góp phần không nhỏ vào mục tiêu phát triển bền vững và kinh tế tuần hoàn mà Việt Nam đang hướng đến. Mặc dù các chính sách hỗ trợ khởi nghiệp xanh tại Việt Nam đã mang lại những kết quả tích cực, nhưng vẫn còn nhiều vấn đề nảy sinh trong quá

trình triển khai các chính sách này. Giữa kỳ vọng và thực tế vẫn tồn tại nhiều khoảng cách do các rào cản từ thể chế, nguồn lực, đến nhận thức của cộng đồng và thị trường, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, biến đổi khí hậu và yêu cầu về phát triển bền vững ngày càng trở nên cấp thiết. Việc thực thi chính sách hỗ trợ khởi nghiệp xanh tại Việt Nam đang đối mặt với nhiều thách thức lớn, xuất phát từ cả nội tại hệ thống quản lý lẫn những yếu tố ngoại cảnh.

Một trong những vấn đề lớn nhất là khung pháp lý về khởi nghiệp xanh còn thiếu tính đồng bộ, gây khó khăn cho các doanh nghiệp trong việc tiếp cận hỗ trợ. Các quy định liên quan đến ưu đãi thuế, tín dụng xanh hay hỗ trợ kỹ thuật chưa được lồng ghép chặt chẽ với nhau, dẫn đến tình trạng chồng chéo và khó áp dụng. Ví dụ, trong khi các chính sách về tín dụng ưu đãi được quy định khá rõ ràng, việc thực hiện lại phụ thuộc vào nhiều thủ tục phức tạp, kéo dài thời gian và làm giảm tính hấp dẫn của chính sách. Mặc dù đã có nhiều chính sách hỗ trợ, như ưu đãi thuế, tín dụng xanh, và hỗ trợ kỹ thuật, nhưng việc thực hiện lại thiếu sự phối hợp hiệu quả giữa các bộ, ngành và địa phương. Báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2023) chỉ ra rằng, hơn 60% doanh nghiệp khởi nghiệp xanh gặp khó khăn trong việc tiếp cận các nguồn hỗ trợ, do quy trình phê duyệt phức tạp và thời gian xử lý kéo dài. Điều này khiến các chính sách dù có ý nghĩa nhưng chưa thực sự phát huy hiệu quả trong thực tế. Điều này cũng xuất phát từ việc đo lường và đánh giá hiệu quả của các chính sách hỗ trợ khởi nghiệp xanh còn nhiều hạn chế. Thiếu một hệ thống theo dõi toàn diện và các chỉ số định lượng rõ ràng để đánh giá tác động kinh tế, xã hội và môi trường của các chính sách khiến cơ quan quản lý khó đưa ra các điều chỉnh phù hợp. Điều này làm giảm khả năng tối ưu hóa và nâng cao hiệu quả của các chính sách hỗ trợ.

Thứ hai, nguồn lực tài chính và đầu tư hạn chế là một thách thức lớn đối với các doanh nghiệp khởi nghiệp xanh. Khởi nghiệp xanh thường yêu cầu nguồn vốn lớn để đầu tư vào công nghệ sạch, năng lượng tái tạo và phát triển bền vững, trong khi các ngân hàng thương mại thường e ngại rủi ro và yêu cầu tài sản thế chấp

cao, khiến nhiều doanh nghiệp không đủ điều kiện để vay vốn. Mặc dù có các quỹ như Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam hay tín dụng ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách Xã hội, nhưng quy mô các quỹ này vẫn còn nhỏ so với nhu cầu thực tế. Theo thống kê của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2022), chỉ khoảng 25% các dự án khởi nghiệp xanh được tiếp cận vốn vay ưu đãi, và phần lớn là các doanh nghiệp có quy mô lớn, trong khi các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ lại gặp khó khăn nhiều hơn.

Thứ ba, hạn chế về năng lực quản lý và nguồn nhân lực cũng là một rào cản đáng kể. Nhiều doanh nghiệp khởi nghiệp xanh còn non trẻ, thiếu kinh nghiệm trong quản lý tài chính, lập kế hoạch kinh doanh, và áp dụng công nghệ hiện đại. Báo cáo của UNDP (2022) cho thấy, hơn 70% doanh nghiệp khởi nghiệp xanh tại Việt Nam không có đội ngũ chuyên gia am hiểu về công nghệ môi trường hoặc các xu hướng kinh doanh bền vững. Điều này làm giảm khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường và hạn chế hiệu quả của các chính sách hỗ trợ. Thêm vào đó, Hoạt động R&D trong lĩnh vực công nghệ xanh tại Việt Nam còn hạn chế do thiếu kinh phí và sự hỗ trợ từ các tổ chức chuyên môn. Điều này khiến các doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc đổi mới công nghệ, nâng cao hiệu quả sản xuất và đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường quốc tế.

Thứ tư, thiếu thông tin và hướng dẫn cụ thể dành cho các doanh nghiệp về các chính sách hỗ trợ khởi nghiệp xanh cũng là một trong những rào cản đối với doanh nghiệp khởi nghiệp. Nhiều doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, không được tiếp cận đầy đủ thông tin về các chương trình ưu đãi tài chính, thuế, hoặc hỗ trợ kỹ thuật. Điều này dẫn đến tình trạng các doanh nghiệp không biết cách tận dụng các chính sách để phát triển, bỏ lỡ nhiều cơ hội quan trọng.

Bên cạnh đó, tác động của biến đổi khí hậu và suy thoái kinh tế toàn cầu cũng tạo thêm áp lực lớn đối với các doanh nghiệp khởi nghiệp xanh. Đại dịch COVID-19 đã khiến nhiều doanh nghiệp phải thu hẹp quy mô hoặc ngừng hoạt động, trong khi biến đổi khí hậu làm gia tăng chi phí sản xuất, đặc biệt trong các lĩnh vực như

nông nghiệp xanh hay năng lượng tái tạo. Điều này khiến các doanh nghiệp khởi nghiệp vốn đã khó khăn nay càng thêm bấp bênh.

Cuối cùng, nhận thức của cộng đồng và thị trường về sản phẩm xanh vẫn còn hạn chế. Nhiều người tiêu dùng vẫn ưu tiên các sản phẩm giá rẻ hơn là các sản phẩm thân thiện với môi trường, dẫn đến khó khăn trong việc mở rộng thị trường cho doanh nghiệp khởi nghiệp xanh. Điều này cũng phần nào phản ánh việc thiếu các chương trình truyền thông mạnh mẽ để nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi tiêu dùng trong cộng đồng.

Những thách thức trên đòi hỏi Chính phủ và các bên liên quan không chỉ tiếp tục hoàn thiện chính sách mà còn cần có những giải pháp thực tế, đồng bộ hơn. Việc nâng cao năng lực quản lý, mở rộng nguồn lực tài chính, và thúc đẩy hợp tác quốc tế sẽ là những yếu tố then chốt giúp khởi nghiệp xanh tại Việt Nam vượt qua khó khăn và phát triển bền vững trong bối cảnh hiện nay.

4. Định hướng phát triển chính sách hỗ trợ khởi nghiệp xanh tại Việt Nam trong bối cảnh phát triển kinh tế xanh và bền vững

Các quốc gia trên thế giới đã triển khai nhiều chính sách tài chính nhằm khuyến khích khởi nghiệp xanh sáng tạo, tập trung vào ưu đãi thuế, hỗ trợ tín dụng, và các biện pháp hỗ trợ khác. Chính sách thuế thường miễn giảm cho các doanh nghiệp khởi nghiệp trong thời hạn từ 2-10 năm, tùy thuộc vào doanh thu, lĩnh vực kinh doanh, và điều kiện cụ thể, như ở Singapore, Thái Lan, hay Trung Quốc. Về tín dụng, các chính phủ cung cấp bảo lãnh vay, quỹ hỗ trợ hoặc các khoản vay ưu đãi để doanh nghiệp vượt qua khó khăn tài chính ban đầu, điển hình là các quỹ đầu tư mạo hiểm ở Singapore hoặc quỹ hỗ trợ khởi nghiệp xanh tại Thái Lan. Ngoài ra, các biện pháp hỗ trợ trực tiếp như tài trợ chi phí R&D, xây dựng vườn ươm, cung cấp cơ sở hạ tầng ưu đãi cũng được triển khai mạnh mẽ tại nhiều nước. Những chính sách này, với sự kết hợp linh hoạt giữa nhà nước và tư nhân, đã giúp các quốc gia thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp xanh bền vững, tạo động lực cho đổi mới sáng tạo.

Trong những năm gần đây, xu hướng phát triển kinh tế xanh và bền vững đã trở thành trọng tâm trong các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trên toàn cầu, đặc biệt trong bối cảnh các thách thức về môi trường và biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng. Việt Nam là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề nhất từ biến đổi khí hậu, đã nhận thấy tầm quan trọng của việc chuyển đổi mô hình kinh tế truyền thống sang nền kinh tế xanh, nhằm đạt được các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) và cam kết tại Hội nghị COP26 về giảm phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050. Mặt khác, áp lực từ xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế và những đòi hỏi ngày càng cao từ các đối tác thương mại về tiêu chuẩn môi trường và phát triển bền vững cũng tạo động lực thúc đẩy Việt Nam định hướng lại chính sách kinh tế. Các ngành kinh tế chủ chốt như nông nghiệp, công nghiệp, và năng lượng đang được định hình lại để tích hợp các yếu tố xanh trong chuỗi giá trị. Đặc biệt, trong lĩnh vực khởi nghiệp, vai trò của các doanh nghiệp xanh ngày càng được khẳng định, không chỉ đóng góp vào giảm thiểu tác động môi trường mà còn tạo ra giá trị gia tăng lâu dài thông qua đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ thân thiện với môi trường.

Trong bối cảnh những khó khăn hiện nay, việc định hướng phát triển chính sách hỗ trợ khởi nghiệp xanh tại Việt Nam đòi hỏi sự thay đổi mạnh mẽ và đồng bộ nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp khởi nghiệp trong lĩnh vực này phát triển bền vững. Trước tiên, Việt Nam cần xây dựng một khung pháp lý rõ ràng, minh bạch và linh hoạt, phù hợp với đặc thù của các doanh nghiệp khởi nghiệp xanh. Điều này bao gồm việc hoàn thiện các quy định pháp lý về định nghĩa, tiêu chí và điều kiện đối với khởi nghiệp xanh, từ đó tạo nền tảng vững chắc để áp dụng các chính sách hỗ trợ một cách hiệu quả. Đặc biệt, các quy định về thủ tục hành chính cần được đơn giản hóa, giảm thiểu rào cản về mặt giấy tờ và thời gian xử lý, giúp các doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận các chính sách ưu đãi hiện có.

Bên cạnh đó, cần thiết lập hệ thống đánh giá và đo lường hiệu quả của các chính sách hỗ trợ, với các tiêu chí rõ ràng về tác động môi trường, xã hội và kinh tế. Hệ thống này không chỉ giúp

ơ quan quản lý theo dõi và điều chỉnh chính sách kịp thời mà còn đảm bảo nguồn lực được phân bổ đúng mục tiêu và đối tượng. Ví dụ, các doanh nghiệp khởi nghiệp xanh thực sự tạo ra những giá trị gia tăng về giảm phát thải, bảo vệ tài nguyên hoặc phát triển bền vững sẽ được ưu tiên nhận hỗ trợ tài chính hoặc kỹ thuật.

Một trong những định hướng quan trọng khác là tăng cường các ưu đãi về tài chính, đặc biệt là chính sách thuế và tín dụng. Các chính sách miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế chuyển nhượng vốn, hoặc hỗ trợ lãi suất vay vốn ưu đãi dài hạn sẽ tạo động lực để các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực xanh. Chính phủ cũng cần thiết lập các quỹ hỗ trợ khởi nghiệp xanh, tập trung vào các giai đoạn đầu của doanh nghiệp, từ giai đoạn ý tưởng, nghiên cứu và phát triển sản phẩm đến giai đoạn triển khai thị trường. Hình thức hỗ trợ này có thể kết hợp giữa vốn ngân sách nhà nước và các nguồn đầu tư từ khu vực tư nhân hoặc quốc tế, giúp giải quyết bài toán thiếu vốn và giảm thiểu rủi ro cho các doanh nghiệp khởi nghiệp.

Song song với đó, việc xây dựng và phát triển các vườn ươm khởi nghiệp xanh và trung tâm đổi mới sáng tạo là yếu tố không thể thiếu. Các vườn ươm này không chỉ cung cấp không gian làm việc, cơ sở hạ tầng và thiết bị kỹ thuật mà còn hỗ trợ các dịch vụ đào tạo, tư vấn và kết nối mạng lưới doanh nghiệp, nhà đầu tư và thị trường. Đặc biệt, Chính phủ cần đẩy mạnh đầu tư vào hạ tầng công nghệ xanh, bao gồm năng lượng tái tạo, công nghệ tiết kiệm tài nguyên và các giải pháp thông minh cho quản lý môi trường. Đây sẽ là nền tảng để các doanh nghiệp khởi nghiệp xanh có thể ứng dụng và phát triển các ý tưởng đổi mới sáng tạo, phù hợp với nhu cầu thị trường.

Một định hướng quan trọng khác là tăng cường vai trò của khu vực tư nhân và các tổ chức quốc tế trong việc thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp xanh. Chính phủ cần khuyến khích các quỹ đầu tư mạo hiểm, quỹ đầu tư thiên thần và các tổ chức tài chính tham gia vào lĩnh vực này, thông qua việc xây dựng các cơ chế hợp tác công - tư minh bạch và hiệu quả. Đồng thời, cần mở rộng hợp tác quốc tế để học hỏi kinh nghiệm và thu hút nguồn lực từ các quốc gia đã thành công

trong việc phát triển chính sách khởi nghiệp xanh. Ngoài ra, Việt Nam cũng cần thúc đẩy truyền thông và nâng cao nhận thức cộng đồng về tầm quan trọng của khởi nghiệp xanh trong phát triển bền vững. Điều này không chỉ giúp thu hút sự quan tâm của xã hội mà còn khuyến khích các thế hệ trẻ tham gia vào lĩnh vực này. Các chương trình đào tạo, hội thảo và chiến dịch truyền thông cần được triển khai rộng rãi, tập trung vào việc phổ biến kiến thức và khơi gợi tinh thần sáng tạo trong cộng đồng.

Chính sách hỗ trợ khởi nghiệp xanh tại Việt Nam là công cụ quan trọng để thúc đẩy nền kinh tế bền vững và giảm tác động tiêu cực đến môi trường. Tuy nhiên, để các chính sách này thực sự hiệu quả, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa Chính phủ, doanh nghiệp và xã hội. Với những giải pháp đề xuất, Việt Nam hoàn toàn có thể trở thành điểm sáng về khởi nghiệp xanh trong khu vực ASEAN, góp phần xây dựng một tương lai xanh, bền vững cho các thế hệ mai sau.

Lời cảm ơn tài trợ

Nghiên cứu này được tiến hành trong khuôn khổ đề tài QG.21.61 “Nghiên cứu các yếu tố tác động đến ý định khởi nghiệp xanh của doanh nhân Việt Nam” của Đại học Quốc gia Hà Nội.

Tài liệu tham khảo

- [1] World Bank, The Cost of Air Pollution: Strengthening the Economic Case for Action, 2016.
- [2] UNDP, Vietnam Climate Risk and Adaptation Profile, 2020.
- [3] IPCC, Sixth Assessment Report, 2021.
- [4] McKinsey & Company, The Circular Economy: Moving from Theory to Practice, 2022.
- [5] ILO, Green Jobs and a Just Transition in Asia and the Pacific, 2021, pp. 30-32.
- [6] Ministry of Planning and Investment, Vietnam Innovation and Entrepreneurship Ecosystem, 2022, pp. 5-7 (in Vietnamese).
- [7] State Bank of Vietnam, Report on Green Credit Performance in 2022. Retrieved from: www.sbv.gov.vn (accessed on: February 20th, 2024) (in Vietnamese).
- [8] Vietnam Environment Protection Fund, Summary Report on Financial Support Activities in 2023, VEPPF, 2023 (in Vietnamese).
- [9] World Bank, Renewable Energy Development Project (REDP) Report, Washington, DC: World Bank Group, 2020, pp. 22-23.
- [10] Government of Vietnam, Decree No. 218/2013/ND-CP on Corporate Income Tax, Government Office, 2013 (in Vietnamese).
- [11] Government of Vietnam, Law on Export and Import Taxes, National Assembly Office, 2016 (in Vietnamese).
- [12] General Department of Taxation, Summary Report on Tax Incentives Supporting Green Technologies in 2022, Ministry of Finance, 2023 (in Vietnamese).
- [13] Ministry of Industry and Trade, National Program on Sustainable Production and Consumption 2021-2030, Ministry of Industry and Trade, 2023 (in Vietnamese).
- [14] UNDP, Energy Efficiency in Commercial Buildings Project (EECB) Report, New York: United Nations Development Programme, 2022.
- [15] Government of Vietnam, Decree No. 55/2015/ND-CP and Decree No. 116/2018/ND-CP on Credit Policies for Agriculture and Rural Development, Government Office, 2015, 2018 (in Vietnamese).
- [16] State Bank of Vietnam, Summary Report on Preferential Credit for Green Agriculture in 2022, State Bank of Vietnam, 2023 (in Vietnamese).
- [17] Ministry of Natural Resources and Environment, Report on Land Planning and Utilization for Green Agriculture Projects, MONRE, 2023 (in Vietnamese).
- [18] Ministry of Agriculture and Rural Development, Report on the OCOP Program - Agricultural Production Innovation 2021-2025, MARD, 2023 (in Vietnamese).
- [19] IFAD, Pro-Poor Partnerships for Agroecological Intensification Report, International Fund for Agricultural Development, 2022.
- [20] Ministry of Planning and Investment, Report on International Cooperation in Green Growth 2021-2023, MPI, 2023 (in Vietnamese).
- [21] WWF Vietnam, Green Startup Initiative Report, WWF, 2023 (in Vietnamese).
- [22] UNDP, Accelerating Green Growth in Vietnam: Progress and Challenges, United Nations Development Programme, 2022.
- [23] SNV Vietnam, Biogas for Sustainable Development Project Report, SNV, 2023.
- [24] GIZ Vietnam, Sustainable Energy Development in Vietnam, Deutsche Gesellschaft für Internationale Zusammenarbeit, 2022.